

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 12-01-2021

“V/v tranh chấp ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Chung**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Trần Thị Phúc**;

Ông **Phan Ngọc Thạch**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Phú**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông **Hoàng Trung Thành** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 661/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020 về Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Hồng Thị Bé T**, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt, có đơn xin giải quyết xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Tấn L**, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt, có đơn xin giải quyết xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 02/11/2020 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hồng Thị Bé T trình bày:

-Về hôn nhân: Chị và anh L chung sống với nhau từ năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm; anh L thường xuyên uống rượu về đánh chị nhiều lần, không quan tâm đến gia đình, không có trách nhiệm với vợ con. Anh chị đã sống ly thân gần 01 năm nay không đoàn tụ được. Chị nhận thấy anh chị chung sống không hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Lợi T, sinh ngày 23/7/2009 đang sống với anh L và Nguyễn Lợi D, sinh ngày 09/9/2020 đang sống với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con tên D, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Chị đồng ý giao con tên T cho anh L nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Tấn L trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về các vấn đề hôn nhân, thời gian sống ly thân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Về mâu thuẫn vợ chồng là do hoàn cảnh gia đình khó khăn dẫn đến gây gổ, cãi vã với nhau; anh thừa nhận có thường xuyên uống rượu nhưng không có đánh chị T.

Nay anh yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Anh không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con. Nếu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn thì:

Về con chung: Anh yêu cầu được nuôi con tên T, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh đồng ý giao con tên D cho chị T nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để xét xử theo hướng:

+ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh L.

+ Về con chung: Giao con chung tên D cho chị T nuôi dưỡng; giao con chung tên T cho anh L nuôi dưỡng; ghi nhận anh chị đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận chị T, anh L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng công khai tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị T, anh L vắng mặt có đơn xin được giải quyết, xét xử vắng mặt; Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T và anh L.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh L khai nhận anh chị chung sống với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn ngày 20/02/2009 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn chị T cung cấp.

Quá trình giải quyết vụ án, chị T khai nhận trong thời gian chung sống có mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm, anh L không quan tâm gia đình, thường xuyên uống rượu về đánh chị nhiều lần, đã sống ly thân gần 01 năm nay không đoàn tụ được nên chị yêu cầu ly hôn. Anh L cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên thường xuyên gây gổ, cãi vã rồi sống ly thân đến nay; anh thừa nhận việc thường xuyên uống rượu nhưng không thừa nhận việc có đánh chị T. Qua kết quả xác minh tại địa phương có đủ căn cứ xác định lời trình bày của anh chị là có căn cứ. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T thấy rằng, anh chị đã mâu thuẫn với nhau một thời gian dài không hàn gắn được. Nay chị T không còn tình cảm với anh L và cương quyết ly hôn dù đã được động viên đoàn tụ. Do đó, đã có đủ cơ sở xác định anh chị không xây dựng được hạnh phúc gia đình, tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị T yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Lợi D, sinh ngày 09/9/2020; chị đồng ý giao con chung tên Nguyễn Lợi T, sinh ngày 23/7/2009 cho anh L; chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con. Anh L thống nhất với yêu cầu của chị T nên cần giao cháu D cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu T cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng; ghi nhận chị T và anh L đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị T và anh L đều có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh L đều không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hồng Thị Bé T đối với anh Nguyễn Tấn L. Chị Hồng Thị Bé T được ly hôn với anh Nguyễn Tấn L.

2- Về con chung: Giao cho chị Hồng Thị Bé T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Lợi D, sinh ngày 09/9/2020. Giao cho anh Nguyễn Tấn L được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Lợi T, sinh ngày 23/7/2009. Ghi nhận chị Hồng Thị Bé T và anh Nguyễn Tấn L đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Chị Hồng Thị Bé T và anh Nguyễn Tấn L đều có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Hồng Thị Bé T và anh Nguyễn Tấn L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4- Về án phí: Chị Hồng Thị Bé T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001298 ngày 02/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; chị Hồng Thị Bé T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho chị T và anh L biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

-Đương sự;

-Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;

- UBND xã;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

Nguyễn Thành Chung